

Phụ lục 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH QUẢNG NGÃI (mới)

(Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương)
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao												Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú		
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số		Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện	
	Tỉnh Quảng Ngãi (cũ)	255,922	109,000	44,700	102,223	97,152	21,076	29,700	46,376	51,352	14,292	37,060		407,498	80,388	219,896	107,213	267,510	13,576	204,896	49,038	51,427	14,292	37,060	75	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn nguồn NSTW 3,612 tỷ đồng về xã Mộ Đức	
1	Huyện Mộ Đức (cũ)(bao gồm các phòng, ban thuộc huyện)	110,123	42,000	15,000	53,123	33,524	4,600	15,000	13,924	193.57	193.57	0.00	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh.	106,511	38,389	15,000	53,123	33,524	4,600	15,000	13,924	193.57	193.57	0.00			
1.1	Tuyến đường Văn Bản - Xe Bò (Giai đoạn 2)	2,000	1,000	0	1,000	747			747				2,000	1,000	0	1,000	747			747							
1.2	Tuyến Chợ Mới - Tân Phong (Giai đoạn 3)	27,000	3,453	7,907	15,640	11,307	2,740	7,907	660				27,000	3,453	7,907	15,640	11,307	2,740	7,907	660							
1.3	Nâng cấp Kênh Năm Bàu	3,400	1,700		1,700	1,024			1,024				3,400	1,700		1,700	1,024			1,024							
1.4	Điều tiết nước và KCH kênh xir đồng Hóc Cản, Đồng Giữa, xã Đức Tân và xir đồng Cây Si, xã Đức Hòa.	3,500	1,750		1,750	1,040			1,040				3,500	1,750		1,750	1,040			1,040							
1.5	Nâng cấp Kênh Kiến Khương - Mường Rạng	2,300	1,150		1,150	880			880				2,300	1,150		1,150	880			880							
1.6	Trạm bơm Bờ Tán, xã Đức Nhuận	1,700	850		850	650			650				1,700	850		850	650			650							
1.7	Trạm bơm Gò Tre xã Đức Phong	1,709	855		855	508			508				1,709	855		855	508			508							
1.8	Trường Tiểu học Đức Thanh, hạng mục: 10 phòng (phòng học, phòng bộ môn)	6,000	2,000		4,000	3,901			3,901				6,000	2,000		4,000	3,901			3,901							
1.9	Sân vận động huyện	14,900	8,475		6,425	162			162				14,900	8,475		6,425	162			162							

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao												Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
1.10	Trường THCS Nguyễn Trãi; hạng mục : 10 Phòng học, bếp ăn Bán trú	7,800	2,887		4,913	283			283					7,800	2,887		4,913	283			283					
1.11	Trường Mầm non thị trấn Mộ Đức (Giai đoạn I)	30,000	10,000	7,093	12,907	12,371	1,860	7,093	3,418					30,000	10,000	7,093	12,907	12,371	1,860	7,093	3,418					
1.12	Mua Âm thanh, ánh sáng cho Trung tâm TT-VH-TT huyện	1,000	500		500	13			13					1,000	500		500	13			13					
1.13	Đầu tư trang thiết bị thư viện, phòng truyền thống Trung tâm TT-VH-TT huyện	600	300		300	11			11					600	300		300	11			11					
1.14	Trồng cây xanh dọc các tuyến đường huyện	4,601	3,468		1,133	628			628					4,601	3,468		1,133	628			628					
2	Huyện Ba Tơ cũ (bao gồm các phòng, ban thuộc huyện)												Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh.	52,233	0	42,334	9,899	44,424	0	42,334	2,090					
2.1	Cầu Pa Ranch													4,060		3,228	832	3,228		3,228						
2.2	Cầu Nước Đen													8,100		6,460	1,640	7,260		6,460	800					
2.3	Cầu Nước Vài													11,900		9,500	2,400	10,790		9,500	1,290					
2.4	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Mang Đen đi Mang Cánh													3,580		2,844	736	2,844		2,844						
2.5	BTXM cầu Nước Vài đến địa phận thôn Mang Biều (xã Ba Tiêu)													9,240		7,372	1,868	7,372		7,372						
2.6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thôn Trường An													6,478		5,830	648	5,830		5,830						
2.7	Cầu - Đường: Gò Lọa đi Ma Nghit													8,875		7,100	1,775	7,100		7,100						
3	Huyện Bình Sơn (cũ) (bao gồm các phòng, ban thuộc huyện)	105,800	42,000	14,700	49,100	56,128	8,976	14,700	32,452	9,745	9,745	0	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	100,320	42,000	14,700	43,620	56,128	8,976	14,700	32,452	9,745	9,745	0	0	
3.1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã đi thôn Phú Quý	5,200	-	2,600	2,600	2,600		2,600						2,600	-	2,600		2,600		2,600						

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao												Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú		
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Chủ đầu tư/ Đầu mồi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số		Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện	
3.2	Cải tạo mở rộng vỉa hè, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.01 (giai đoạn 02)	33,800	15,740		18,060	22,352	6,665	-	15,687	7,287	7,287			31,427	15,740		15,687	22,352	6,665	-	15,687	7,287	7,287				
3.3	Cải tạo mở rộng vỉa hè nút giao thông đường ĐH.02 (giai đoạn 2)	9,000	4,500		4,500	6,400	2,025	-	4,375	2,458	2,458			8,875	4,500		4,375	6,400	2,025	-	4,375	2,458	2,458				
3.4	Trường Tiểu học số 2 xã Bình Hải: Hạng mục: Khối phòng học tập, hành chính quản trị, hỗ trợ học tập 3 tầng; công ngõ	7,740		6,000	1,740	7,740		6,000	1,740					7,740		6,000	1,740	7,740		6,000	1,740						
3.5	Trường TH&THCS Bình Khương; hạng mục: Khối 06 phòng học 2 tầng	2,940		2,500	440	2,940		2,500	440					2,940		2,500	440	2,940		2,500	440						
3.6	Trường mầm non Bình Thạnh: hạng mục 06 phòng học 02 tầng	3,886	286	3,600		3,886	286	3,600						3,886	286	3,600		3,886	286	3,600							
3.7	Cải tạo mở rộng vỉa hè, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.01	6,700	3,350		3,350	2,150		-	2,150					6,468	3,350		3,118	2,150		-	2,150	-					
3.8	Cải tạo mở rộng vỉa hè, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.02	8,320	4,160		4,160	4,060		-	4,060					8,220	4,160		4,060	4,060		-	4,060	-					
3.9	Cải tạo mở rộng vỉa hè, nâng cấp mặt đường, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện	11,500	5,750		5,750	4,000		-	4,000					11,450	5,750		5,700	4,000		-	4,000	-					

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao												Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW	NST		NS huyện				
3.10	Xây dựng đường dây điện phục vụ sản xuất Hành Tâm xã Bình Hải	3,800	1,900		1,900									3,800	1,900	0	1,900	-	0	0	0					Dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư
3.11	Xây dựng đường dây điện phục vụ nuôi tôm xã Bình Dương	4,414	2,064		2,350									4,414	2,064	0	2,350	-	0	0	0					Dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư
3.12	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH.02 đoạn từ khoảng Km15+697,00 - Km16+680,70	2,500	1,250		1,250									2,500	1,250	0	1,250	-	0	0	0					Dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư
3.13	Công trình nước sạch trung tâm xã Bình Minh	6,000	3,000		3,000									6,000	3,000	0	3,000	-	0	0	0					Dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư
4	Huyện Sơn Tịnh (cũ) (bao gồm các phòng, ban thuộc huyện)	15,000	0	15,000	0	0	0	0	0	0	0	0	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	15,000	0	15,000	0	0	0	0	0.00	0.00	0.00			
4.1	Trường THCS Tịnh Hiệp; hạng mục: 06 phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ	2,617		2,617										2,617		2,617										Dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư
4.2	Trường Tiểu học Tịnh Hà (điểm Trung tâm); hạng mục: Mở rộng khuôn viên trường và các hạng mục phụ trợ	516		516										516		516										
4.3	Trường THCS Tịnh Đông; Hạng mục: 04 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	2,000		2,000										2,000		2,000										Dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mồi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	NSTW	NST	NS huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh										NS huyện	NSTW		NST	NS huyện	NSTW		NST
4.4	Trường THCS Nguyễn Chánh; Hạng mục: 18 phòng	5,000		5,000											5,000		5,000								
4.5	Trường Mầm non Tịnh Hiệp (điểm Trung tâm); hạng mục: 04 phòng học, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2,000		2,000											2,000		2,000								
4.6	Trường Tiểu học Tịnh Thọ; Hạng mục: 04 phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ	2,867		2,867											2,867		2,867								Dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư
5	Huyện Trà Bông (cũ) (bao gồm các phòng, ban thuộc huyện)								11,695.67	0.00	11,695.67	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	50,957	0	50,385	572	50,957	0	50,385	572	11,770.67	0.00	11,695.67	75.00	
5.1	Đường điện tổ 2,3 thôn Nguyễn và tổ 1 thôn Bằng												12				12	12			12				
5.2	Tuyến đường vào nghĩa trang nhân dân xã Trà Giang												0				0								
5.3	Nối tiếp đường QL 24C đi thôn 1, thôn 4 xã Trà Thủy												4,100		4,100		4,100		4,100					5.00	
5.4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông QL24C đi UBND xã Trà Thủy												3,050		3,050		3,050		3,050					5.00	
5.5	Điện sinh hoạt tổ 4 thôn 3												1,530		1,530		1,530		1,530					5.00	
5.6	Điện sinh hoạt tổ 3 thôn 6												345		295	50	345		295	50				5.00	
5.7	Điện sinh hoạt tổ 17,18 thôn 5											845		720	125	845		720	125				5.00		
5.8	Nâng cấp đường trung tâm xã (TTCX Tân- bùi)											1,700		1,700		1,700		1,700					5.00		
5.9	Đường điện thôn Trường Giang Trà Tân											85			85	85		85					5.00		

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao												Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mồi giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số		Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
		NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh						NS huyện	NSTW	NST		NS huyện	NSTW		NST	NS huyện					
5.10	Hệ thống điện chiếu sáng trung tâm cụm xã													115			115	115			115				5.00	
5.11	Khu thể thao xã (nhà thi đấu đa năng) Trà Tân													2,000		2,000		2,000		2,000					5.00	
5.12	Cả qua suối Trà Bói													4,320		4,320		4,320		4,320					5.00	
5.13	Hệ thống điện chiếu sáng trung tâm xã													55			55	55			55				5.00	
5.14	Khu thể thao xã (Trà Giang)													2,100		2,100		2,100		2,100					5.00	
5.15	Khu thể thao xã (Trà Thủy)													8,300		8,300		8,300		8,300					5.00	
5.16	Trường mầm non Trà Thủy													6,500		6,500		6,500		6,500					5.00	
5.17	Hệ thống nước sinh hoạt xã Trà Tân; HM; Đầu nối, lắp đặt đường ống và đồng hồ đo nước cho hộ gia đình sử dụng													0			0								5.00	
5.18	Xây mới trạm hạ thế thôn Bình Đông													1,205		1,100	105	1,205		1,100	105					
5.19	Nhà đa năng và cải tạo một số hạng mục													6,005		6,000	5	6,005		6,000	5					
5.20	Nối tiếp đường bê tông đi hồ Vực Thành													2,005		2,000	5	2,005		2,000	5					
5.21	Kéo đường dây điện 0,4KV (nối tiếp tuyến đường nhà ông Hạnh đến nhà ông Nhất)													205		200	5	205		200	5					
5.22	Kéo đường dây điện 0,4KV (nối tiếp tuyến đường nhà ông Toàn đến nhà ông Mến)													605		600	5	605		600	5					
5.23	Nhà đa năng và tường rào, sân chơi, bãi tập, bồn hoa cây cảnh (Trà Phú)													5,875		5,870	5	5,875		5,870	5					

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao												Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện						NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện		NSTW	NST		NS huyện
6	Huyện Sơn Hà (cũ) (bao gồm các phòng, ban thuộc huyện)								25,364.57	0.00	25,364.57	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	48,180	0	48,180	0	48,180	0	48,180		25,364.57	0.00	25,364.57			
6.1	Xây dựng trường Mầm non Hoa Mai (Điểm trường chính và điểm trường Gò Rộc) và Trường TH&THCS Sơn Trung (Điểm trường chính, Điểm trường Tà Mâu, Điểm Trường Làng Đèo)												14,800		14,800		14,800		14,800							
6.2	Trường MN Sơn Ca (Điểm trường chính và điểm trường Kà Lạ)												4,855		4,855		4,855		4,855							
6.3	Nâng cấp đường nội vùng (trung tâm xã) gồm: Đường Nội vùng từ nhà ông Thuận - nhà ông Dư; Đường nội vùng từ nhà ông Dư - nhà ông Ân; Đường nội vùng từ nhà ông Minh đến nhà ông Dư và cầu xóm Tà Diểu (thôn Bỏ Nung); Địa điểm xây dựng: xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà.												3,525		3,525		3,525		3,525							
6.4	Nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn xã Sơn Hạ												19,000		19,000		19,000		19,000							
6.5	Sửa chữa, nâng cấp đường Gò Đá - Gò Deo - UBND xã Sơn Thành												6,000		6,000		6,000		6,000							

TT	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao											Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh											Ghi chú			
		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025						
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Tổng số	NSTW	NST	NS huyện	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh										NS huyện	NSTW		NST	NS huyện		NSTW	NST	NS huyện
7	Huyện Sơn Tây (cũ) (bao gồm các phòng, ban thuộc huyện)	25,000	25,000		0	7,500	7,500		0	4,353.41	4,353.41	0.00	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	34,297	0	34,297	0	34,297	0	34,297		4,353.41	4,353.41			Điều chỉnh KH trung hạn NSTW 25 tỷ đồng về các xã Sơn Tây, Sơn Tây Thượng, Sơn Tây Hạ
7.1	Trường PT DTBITH& THCS Sơn Dung (điểm chính)													16,400		16,400		16,400		16,400						
7.2	Công trình thủy lợi Đăk Xút (đầu tư mới)													3,400		3,400		3,400		3,400						
7.3	Xây mới sân vận động xã Sơn Mùa													4,650		4,650		4,650		4,650						
7.4	Xây mới khu sinh hoạt, hoạt động văn hoá thể dục thể thao thôn													3,400		3,400		3,400		3,400						
7.5	Khu hoạt động văn hoá thể dục thể thao thôn Tu La													247		247		247		247						
7.6	Khu sinh hoạt, hoạt động thể dục thể thao thôn Huy Ra Long													850		850		850		850						
7.7	Cải tạo, nâng cấp sân vận động huyện (cũ)													5,350		5,350		5,350		5,350						

*** Ghi chú:**
Số kế hoạch vốn được 02 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh, và Giao thông tỉnh tiếp nhận từ Kế hoạch trung hạn được giao cho cấp xã tại PL1, gồm: (1) Ba tư 42,334 tỷ đồng (trong đó: 29,404 tỷ đồng của xã Ba Vi, 7,1 tỷ đồng của xã ba Cung, 5,83 tỷ đồng của xã Ba Động); (2) Trà Bồng 50,385 tỷ đồng (trong đó: 7,1 tỷ đồng của xã Trà Bình, 8,67 tỷ đồng của xã Trà Phú, 6,42 tỷ đồng của xã Trà Giang, 24,495 tỷ đồng của xã Trà Thuỷ và 3,7 tỷ đồng của xã Trà tân); (3) Sơn Hà 48,18 tỷ đồng (trong đó: 6 tỷ đồng của xã Sơn Thành, 19 tỷ đồng của xã Sơn Hạ, 4,855 tỷ đồng của xã Sơn Linh, 14,8 tỷ đồng của xã Sơn Trung và 3,525 tỷ đồng của xã Sơn Kỳ); (4) Sơn Tây 34,297 tỷ đồng (trong đó: 25,15 tỷ đồng của xã Sơn Dung và 9,147 tỷ đồng của xã Sơn Mùa)